

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Quý IV năm 2025)

*(Báo cáo theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM (“QUỸ”)

1. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính Quý IV năm 2025 của Quỹ, tính đến ngày 31/12/2025, tổng giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ giảm 3,29 (%) so với giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu kỳ báo cáo 30/09/2025, giá NAV trên một Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) giảm 3,77 (%) so với đầu kỳ.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ áp dụng nguyên tắc đầu tư thận trọng với chiến lược đầu tư giá trị. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ dựa trên tiêu chí nâng cao động lực tăng trưởng cho giá trị tài sản đầu tư theo quy trình chấp nhận rủi ro hợp lý.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ trọng đầu tư 100% vào cổ phiếu. Khi nền kinh tế có những biến động bất lợi, Quỹ có thể nắm giữ giá trị tài sản ròng dưới hình thức tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tài sản có thu nhập cố định để giảm thiểu rủi ro, phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư theo Điều 10 Điều lệ Quỹ.

Để đạt được mục tiêu đầu tư, Quỹ thực hiện đa dạng hóa danh mục vào hầu hết các ngành nghề. Tùy vào đặc điểm của chu kỳ kinh tế, thay đổi trong cơ cấu kinh tế và môi trường kinh doanh mà Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội phát sinh để tập trung nắm giữ một số doanh nghiệp thuộc một vài ngành nghề nhất định trong một khoảng thời gian nhất định.

Các doanh nghiệp mục tiêu của Quỹ là những doanh nghiệp niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, có nền tảng tốt, tỷ lệ chi trả cổ tức cao và tiềm năng tăng trưởng tốt.

4. Phân loại Quỹ

Loại hình: Quỹ mở.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Không giới hạn.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình đến cao.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 195.211.225.935 đồng, tương ứng với 14.542.602,78 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

- Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư nếu:
 - Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - Quỹ đã trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý quỹ và phải được Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo

Quỹ không phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

Chỉ tiêu	31/12/2025 (%)	30/09/2025 (%)	30/06/2025 (%)
Danh mục cổ phiếu	88,98	88,48	89,54
Tiền và tương đương tiền	5,83	6,54	5,01
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ ba (03) tháng trở lên	4,05	3,95	4,56
Tài sản khác	1,14	1,03	0,89
Cộng	100,00	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	31/12/2025	30/09/2025	30/06/2025
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	195.211.225.935	201.858.045.978	174.166.388.292
2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	14.542.602,78	14.471.475,14	14.460.088,05
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND)	13.423,40	13.948,68	12.044,63
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	14.447,70	14.620,26	12.044,63
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	12.805,21	12.047,84	9.916,43
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(3,77)	15,81	1,29
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	(5,62)	11,51	3,24
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	1,85	4,30	(1,95)
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.11. Phân phối ròng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

P: 23 -
CÔNG
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ
PHÚ H
T. PH

trên 1 đơn vị CCQ			
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,43	2,37	2,53
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	143,77	127,62	157,06

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	9,87	9,87
3 năm	34,21	10,31
Từ khi thành lập	34,23	10,31
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không áp dụng	Không áp dụng

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	31/12/2025	31/12/2024
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	9,87	15,35

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

GDP Việt Nam tăng mạnh 8,46% trong quý IV/2025 (mức tăng quý IV cao nhất kể từ năm 2011), qua đó nâng tăng trưởng cả năm 2025 lên 8,02% – cao hơn kỳ vọng của thị trường nhưng vẫn thấp hơn mục tiêu của Chính phủ. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ ngành xây dựng và sản xuất chế biến chế tạo duy trì sự bền bỉ. Trong năm 2025, xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng tốc, được hỗ trợ bởi vốn FDI giải ngân đạt mức cao kỷ lục và tiến độ giải ngân đầu tư công được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, tăng trưởng bán lẻ thấp hơn mức tăng GDP, cho thấy quá trình phục hồi tiêu dùng vẫn còn chậm. Chỉ số CPI tổng thể đạt 3,31% trong năm 2025, thấp hơn dự báo, qua đó tạo dư địa cho chính sách điều hành trong năm 2026. Dù vậy, đồng VND tiếp tục mất giá so với USD năm thứ tư liên tiếp, tiềm ẩn rủi ro lạm phát nhập khẩu và tính linh hoạt của chính sách tiền tệ.

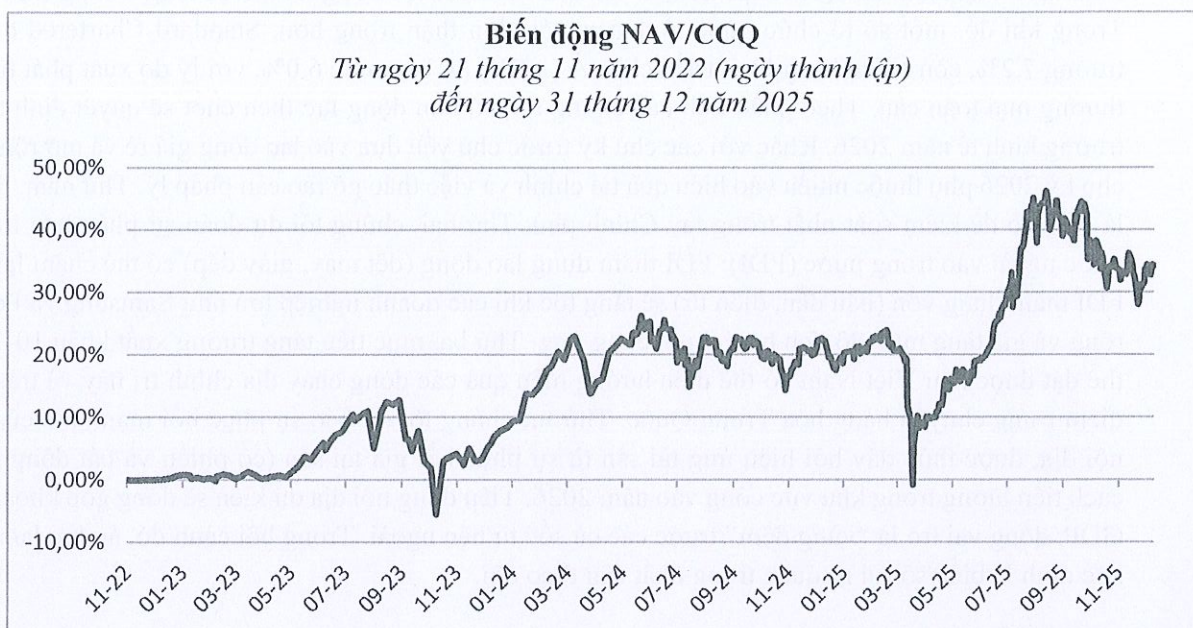
IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	4,63	13,16
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	5,24	21,07
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	9,87	34,23
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	9,87	10,31

Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	N/a	N/a
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	N/a	N/a

- Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ



- Thay đổi giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	31/12/2025 (VND) (1)	30/09/2025 (VND) (2)	Tỷ lệ thay đổi (%) (3)=((1)-(2))/(2)
NAV của Quỹ	195.211.225.935	201.858.045.978	-3,29%
NAV/CCQ	13.423,40	13.948,68	-3,77%

Trong giai đoạn từ 30/09/2025 đến 31/12/2025, NAV của Quỹ giảm 3,29% và NAV/CCQ giảm 3,77% trong cùng giai đoạn do sự biến động giá của danh mục chứng khoán và phát hành thêm Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	831	163.534,63	1,12
Từ 5.000 đến 10.000	6	40.908,97	0,28
Từ 10.000 đến 50.000	8	118.484,32	0,82
Từ 50.000 đến 500.000	4	398.565,88	2,74
Trên 500.000	5	13.821.108,98	95,04
Tổng cộng	854	14.542.602,78	100,00%

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Không có.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Lãnh đạo Việt Nam đã đặt ra mục tiêu rất cao cho năm 2026, hướng tới tốc độ tăng trưởng GDP trên 10%. Trong khi đó, một số tổ chức quốc tế đưa ra cái nhìn thận trọng hơn. Standard Chartered dự báo tăng trưởng 7,2%, còn Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo mức 6,0%, với lý do xuất phát từ các rủi ro thương mại toàn cầu. Theo phân tích của chúng tôi, có bốn động lực then chốt sẽ quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2026. Khác với các chu kỳ trước chủ yếu dựa vào lao động giá rẻ và mở rộng tín dụng, chu kỳ 2026 phụ thuộc nhiều vào hiệu quả tài chính và việc tháo gỡ rào cản pháp lý. Thứ nhất, đầu tư công là biến số dễ kiểm soát nhất trong tay Chính phủ. Thứ hai, chúng tôi dự đoán sự phân hóa trong đầu tư nước ngoài vào trong nước (FDI): FDI thâm dụng lao động (dệt may, giày dép) có thể chậm lại, trong khi FDI thâm dụng vốn (bán dẫn, điện tử) sẽ tăng tốc khi các doanh nghiệp lớn như Samsung và Foxconn mở rộng và gia tăng mức độ tích hợp chuỗi cung ứng. Thứ ba, mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu 10-12% chỉ có thể đạt được nếu Việt Nam có thể điều hướng hiệu quả các dòng chảy địa chính trị này và tránh bị coi là điểm trung chuyển hàng hóa Trung Quốc. Thứ tư, chúng tôi dự báo sự phục hồi mạnh mẽ của tiêu dùng nội địa, được thúc đẩy bởi hiệu ứng tài sản từ sự phục hồi giá tài sản (cổ phiếu và bất động sản) và cải cách tiền lương trong khu vực công vào năm 2026. Tiêu dùng nội địa dự kiến sẽ đóng góp khoảng 60-65% GDP, đóng vai trò là “vùng đệm” trước các cú sốc từ bên ngoài. Trong bối cảnh đó, áp lực lạm phát được xác định là biến số rủi ro quan trọng nhất cần theo dõi.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.

Kính báo cáo và trân trọng,/,

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: HTNV

CTCP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LƯU HUI HUNG